CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2010*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 9564
Ngày: 17/12

NGHỊ QUYẾT

Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Xây dựng chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan hoàn

thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ Xây dựng áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- HĐTV: các thành viên HĐTV;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). 255

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 55 /NQ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Nhóm thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, gồm:

1. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ - B-BXD-046456-TT;

2. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan cấp Bộ -B-BXD-050208-TT;

3. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - B-BXD-050215-TT;

4. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện - B-BXD-050225-TT;

5. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã - B-BXD-050226-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình...

b) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

c) Về thành phần và số lượng hồ sơ

- Về nội dung mẫu Tờ trình:

+ Bổ sung thông tin pháp lý của nhà đầu tư trong Tờ trình như: số Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương), ngày cấp, nơi cấp phép, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư;

+ Bỏ các mục 2: "Chủ đầu tư", 17: "Các nội dung khác", 18: "Kết luận".

- Quy định rõ "Các văn bản pháp lý liên quan" trong thành phần hồ sơ.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 04 bộ.

d) Quy định cụ thể thời hạn phê duyệt của người quyết định đầu tư, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt dự án theo quy định, như sau:

- 45 ngày làm việc đối với dự án quan trọng quốc gia.

- 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A.

- 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B.

- 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

đ) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính là: Quyết định phê duyệt dự án.

e) Về lệ phí thẩm định:

- Điều chỉnh mức thu lệ phí thẩm định trên cơ sở rà soát, bãi bỏ các quỹ hình thành từ nguồn lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng để bảo đảm lệ phí thẩm định chỉ phục vụ cho hoạt động thẩm định.

- Pháp lý hóa các quy định về lệ phí.

Nhóm thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, gồm:

6. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư - B-BXD-046456-TT;

7. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ quyết định đầu tư - B-BXD-050243-TT;

8. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư - B-BXD-050247-TT;

9. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư - B-BXD-050249-TT;

10. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư - B-BXD-050260-TT.

a) Quy định cụ thể về các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quy định cụ thể hồ sơ trình điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 04 bộ.

c) Quy định để viện dẫn thời hạn giải quyết thủ tục này tuân thủ theo quy định như đối với thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

d) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính là: Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh.

đ) Quy định viện dẫn lệ phí thực hiện thủ tục này theo quy định như đối với thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Nhóm thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước, gồm:

11. Thủ tục Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Cơ quan cấp Bộ - B-BXD-050228-TT;

12. Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh - B-BXD-050221-TT;

13. Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện - B-BXD-050235-TT;

14. Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã - B-BXD-050238-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật...

b) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Về mẫu Tờ trình:

+ Bổ sung thông tin pháp lý về nhà đầu tư, như: số Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương), ngày cấp, nơi cấp phép, người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư;

+ Bỏ mục 2: "Chủ đầu tư".

- Quy định cụ thể về việc trình bày Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 02 bộ.

d) Quy định rõ thời hạn phê duyệt của người quyết định đầu tư, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt theo quy định là: 10 ngày làm việc.

đ) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

e) Quy định viện dẫn lệ phí thực hiện thủ tục này theo quy định như đối với thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

15. Thủ tục Công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - B-BXD-040055-TT.

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính:

- Quy định rõ các bước mà tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức đối với từng bước thực hiện.

- Quy định tổ chức nộp hồ sơ đăng ký công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trực tiếp tại Bộ Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần và yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Quy định rõ bản sao có xác nhận của cơ sở quản lý phòng thí nghiệm đối với: Hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm và đo lường của phòng thí nghiệm; Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ các cơ quan khác; Hợp đồng sử dụng lao động đối với cán bộ quản lý và nhân viên thí nghiệm được đăng ký trong hồ sơ.

- Quy định rõ nội dung "điều kiện môi trường làm việc" trong thành phần hồ sơ.

- Về mẫu đơn:

+ Đổi tên mẫu đơn thành: Đơn đề nghị công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

+ Sửa đổi mục 1 thành: Tên cơ sở đề nghị công nhận;

+ Đổi mục 3: Lĩnh vực thử nghiệm xin công nhận thành: Tên các phép thử đề nghị công nhận.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Bãi bỏ thời hạn hiệu lực của quyết định công nhận, qua đó bãi bỏ thủ tục Công nhận lại phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

d) Bãi bỏ quy định: Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải chịu các chi phí (phương tiện đi lại, lưu trú, thông tin liên lạc) cho hoạt động đánh giá tại phòng thí nghiệm.

đ) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

16. Thủ tục Công nhận lại phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - B-BXD-040092-TT.

Bãi bỏ thủ tục này, đồng thời quy định rõ: Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải đăng ký công nhận bổ sung phòng thí nghiệm nếu có nhu cầu mở rộng năng lực hoạt động.

17. Thủ tục Công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - B-BXD-119758-TT.

- Quy định để viện dẫn việc thực hiện thủ tục Công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tuân thủ theo những quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thủ tục như đối với thủ tục công nhận mới.

- Quy định rõ thành phần và yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

18. Thủ tục Công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo kỹ sư định giá xây dựng - B-BXD-001774-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

b) Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục:

- Tổ chức nộp hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo nghiệp vụ định giá xây dựng trực tiếp tại Bộ Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

- Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Xây dựng kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng xem xét nếu đủ điều kiện thì có văn bản công nhận và đưa lên Website của Bộ Xây dựng.

c) Về thành phần hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu văn bản đề nghị công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

- Quy định rõ thành phần và yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ sở đào tạo đề nghị công nhận.

d) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

19. Thủ tục Công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình - B-BXD-121491-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục:

- Tổ chức nộp hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình trực tiếp tại Bộ Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

- Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc Bộ Xây dựng kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng xem xét nếu đủ điều kiện thì có văn bản công nhận và đưa lên Website của Bộ Xây dựng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu văn bản đề nghị công nhận cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và giám sát thi công xây dựng công trình.

- Quy định rõ thành phần và yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ sở đào tạo đề nghị công nhận.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định cụ thể về các pháp nhân khác.

Nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, gồm:

20. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư-B-BXD-141124-TT;

21. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư - B-BXD-112120-TT;

22. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công công trình xây dựng - B-BXD-037451-TT.

a) Quy định cụ thể về cách thức thực hiện: Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ

- Quy định rõ yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và khi nộp hồ sơ mang theo bản chính để đối chiếu.

- Bỏ quy định về: "chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề".

- Giảm số lượng hồ sơ phải nộp từ 02 bộ xuống 01 bộ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Bãi bỏ quy định về thời hạn hiệu lực của chứng chỉ.

e) Về mẫu đơn:

- Đổi tên mẫu đơn thành: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề...

- Bỏ phần kê khai thời gian đã tham gia hoạt động xây dựng tại mục 8 và sửa tên mục thành: "Các nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề".

- Bổ sung mục: Nơi làm việc hiện nay.

g) Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện "Có đạo đức nghề nghiệp và có hồ sơ xin cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này và đã nộp lệ phí theo quy định".

23. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng - B-BXD-111566-TT.

a) Quy định cụ thể về các bước mà cá nhân và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng.

- Quy định hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề (theo mẫu), kèm theo 02 ảnh màu cỡ 3x4, chụp trong thời gian 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Chứng chỉ cũ (đối với trường hợp: chứng chỉ cũ bị rách, nát).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

24. Thủ tục Cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng - B-BXD-112126-TT.

a) Quy định cụ thể về các bước mà cá nhân và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng.

- Quy định hồ sơ đề nghị cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề (theo mẫu), kèm theo 02 ảnh màu cỡ 3x4, chụp trong thời gian 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp (khi nộp hồ sơ mang theo bản chính để đối chiếu) các văn bằng và bản kê khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung đề nghị bổ sung hành nghề (theo mẫu);

+ Chứng chỉ cũ.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng, gồm:

25. Thủ tục Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 - B-BXD-002108-TT;

26. Thủ tục Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp nâng từ hạng 2) - B-BXD-002140-TT;

27. Thủ tục Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (trường hợp cấp thẳng không qua hạng 2) - B-BXD-002146-TT.

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định bổ sung các bước mà cá nhân và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân đối với từng bước thực hiện. Cụ thể như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không đúng quy định.

- Quy định cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá xây dựng trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

b) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

28. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng (trường hợp chứng chỉ bị rách, nát hoặc mất) - B-BXD-002183-TT.

a) Về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính:

- Quy định bổ sung các bước mà cá nhân và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân đối với từng bước thực hiện. Cụ thể như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra nếu hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần để cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Quy định cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc qua đường bưu điện.

b) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

29. Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) loại 1 - B-BXD-046308-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ:

- Quy định rõ thành phần và yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Quy định cụ thể về từng loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được dùng trong cấp giấy phép xây dựng.

- Quy định cụ thể số lượng của từng thành phần hồ sơ: 01 bản, riêng hồ sơ thiết kế: 02 bộ (01 bộ trả kèm giấy phép).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Về thời hạn có hiệu lực của giấy phép

- Bãi bỏ quy định về thời hạn "có hiệu lực khởi công xây dựng" của giấy phép xây dựng Trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) loại 1.

- Quy định rõ chủ đầu tư chỉ phải làm thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng trong trường hợp quy hoạch xây dựng chi tiết thay đổi có ảnh hưởng đến nội dung giấy phép mà tới thời điểm đó công trình chưa xây dựng.

d) Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

đ) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Về mẫu đơn:

- Đổi tên mẫu đơn thành: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng *(Sử dụng cho công trình trạm và cột ăng ten xây dựng trên mặt đất - BTS loại 1).*

- Bỏ một số nội dung trong mẫu đơn: mục 2: "Nguồn gốc đất", mục 5: "Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có)", mục 6: "Phương án phá dỡ, di dời công trình (nếu có)".

- Sửa mục 4: Đơn vị hoặc người thiết kế:... Giấy phép hành nghề số/ Chứng chỉ hành nghề số:.... Cấp ngày:.....

30. Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) loại 2 - B-BXD-046317-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần và số lượng hồ sơ

- Quy định rõ yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Quy định cụ thể số lượng của từng thành phần hồ sơ: 01 bản, riêng bản vẽ: 02 bản (01 bản trả kèm giấy phép).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Bãi bỏ quy định về thời hạn "có hiệu lực khởi công lắp đặt" của giấy phép xây dựng Trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS) loại 2.

d) Bãi bỏ quy định về phí xây dựng.

đ) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Về mẫu đơn:

- Đổi tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng *(Sử dụng cho trạm và cột ăng ten được lắp đặt vào công trình đã xây dựng - BTS loại 2).*

- Bỏ một số nội dung trong mẫu đơn: mục 5: "Tổ chức, cá nhân thẩm định thiết kế (nếu có)", mục 6: "Phương án phá dỡ, di dời công trình (nếu có)".

- Sửa mục 4: Đơn vị hoặc người thiết kế:... Giấy phép hành nghề số/ Chứng chỉ hành nghề số:..... Cấp ngày:.....

Nhóm thủ tục cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài, gồm:

31. Thủ tục cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm A và các dự án đầu tư thuộc địa bàn 2 tỉnh trở lên - B-BXD-038177-TT;

32. Thủ tục cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B, C - B-BXD-076723-TT;

33. Thủ tục cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng - B-BXD-045053-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục:

- Nhà thầu nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp phép hoặc qua đường bưu điện. Sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép xem xét và kiểm tra hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc nếu hồ sơ không đúng, đủ theo quy định, cơ quan cấp phép phải thông báo và hướng dẫn một lần cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với tổ chức, 10 ngày làm việc đối với cá nhân, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép xem xét cấp phép theo quy định. Nhà thầu nộp lệ phí khi nhận kết quả cấp phép.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bãi bỏ các thành phần hồ sơ sau:

+ Điều lệ công ty;

+ Báo cáo tài chính được kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo qui định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

- Quy định rõ chỉ hợp pháp hoá lãnh sự đối với Giấy phép thành lập.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc đối với tổ chức, 10 ngày làm việc đối với cá nhân, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

34. Thủ tục Đăng ký văn phòng điều hành cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam - B-BXD-072409-TT.

- Thay thế thủ tục hành chính này bằng thủ tục Thông báo về văn phòng điều hành.

- Quy định rõ cách thức thực hiện: Nhà thầu nước ngoài gửi Thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Sở Xây dựng.

- Xây dựng, ban hành mẫu văn bản Thông báo về văn phòng điều hành của nhà thầu nước ngoài.

35. Thủ tục Phê duyệt các phương án phá dỡ các công trình xây dựng - B-BXD-038575-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ công trình xây dựng.

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị phê duyệt phương án phá dỡ công trình (theo mẫu);

+ Phương án phá dỡ công trình (*thể hiện rõ các biện pháp, quy trình phá dỡ, các trang thiết bị, máy móc phục vụ phá dỡ, biện pháp che chắn để đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; trình tự, tiến độ, kinh phí phá dỡ...);*

+ Biên bản làm việc của chủ đầu tư, nhà thầu (hoặc các cơ quan có trách nhiệm tổ chức việc cưỡng chế phá dỡ công trình theo luật định) với Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có công trình cần phá dỡ (Biên bản phải thống nhất được mục đích, ý nghĩa, các nội dung cơ bản của phương án phá dỡ, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan liên quan trong việc phá dỡ công trình);

+ Biên bản của chủ đầu tư, nhà thầu, hoặc cơ quan có trách nhiệm cưỡng chế việc phá dỡ công trình theo luật định với chủ sở hữu các công trình liền kề (nếu có) (Biên bản nêu rõ yêu cầu của việc phá dỡ công trình; thống nhất các nội dung đảm bảo an toàn về người và tài sản của các công trình liền kề trong việc phá dỡ công trình).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

36. Thủ tục Cấp phép di dời công trình - B-BXD-038594-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, trong đó:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian.

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị di dời công trình xây dựng.

- Quy định hồ sơ đề nghị cấp phép di dời công trình xây dựng, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (theo mẫu);

+ Phương án di dời bao gồm thuyết minh và bản vẽ, các giải pháp di dời, xe máy thiết bị và nhân lực di dời; các giải pháp bảo đảm an toàn;

+ Bản sao có chứng thực giấy tờ về quyền sử dụng đất của địa điểm nơi dự kiến di dời công trình đến.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ

c) Quy định rõ thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định rõ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép di dời công trình xây dựng.

37. Thủ tục Tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình - B-BXD-038551-TT.

a) Sửa tên của thủ tục hành chính thành: Báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình xây dựng.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện. Cụ thể như sau: 01 ngày sau khi nhận được Báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng gửi Phiếu tiếp nhận cho chủ đầu tư.

- Quy định cá nhân, tổ chức nộp báo cáo về chất lượng công trình qua đường bưu điện.

c) Tăng thời hạn gửi báo cáo định kỳ từ 6 tháng/1 lần lên 12 tháng/1 lần và khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

d) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Phiếu tiếp nhận.

38. Thủ tục Tiếp nhận và quản lý Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng - B-BXD-038499-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Báo cáo tình hình về giấy chứng nhận công trình đủ điều kiện đảm bảo an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện. Cụ thể như sau: 01 ngày sau khi nhận được Giấy Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng gửi Phiếu tiếp nhận cho chủ đầu tư.

- Quy định cá nhân, tổ chức nộp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng qua đường bưu điện.

c) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Phiếu tiếp nhận.

39. Thủ tục Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng - B-BXD-037544-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện. Cụ thể như sau: 01 ngày sau khi nhận được Báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng gửi Phiếu tiếp nhận cho chủ đầu tư.

- Quy định cá nhân, tổ chức gửi Báo cáo nhanh sự cố công trình qua đường bưu điện.

c) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Phiếu tiếp nhận.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

+ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

+ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 36 và 39 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4 và 5 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 87/2004/TTg ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 31, 32, 33 và 34 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 05/2004/TT-BXD ngày 15 tháng 9 năm 2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục và quản lý việc cấp phép thầu cho nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 31, 32 và 33 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các quy định có liên quan.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

+ Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng;

+ Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và giám sát thi công xây dựng công trình;

+ Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

+ Thông tư số 27/2009/TT- BXD ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn, kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

+ Quyết định số 11/2003/QĐ-BXD ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 297:2003 "Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Tiêu chuẩn công nhận";

+ Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 35, 37 và 38 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT/BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 giữa Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động ở các đô thị, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 29, 30 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

Giao Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng lệ phí thẩm định đầu tư;

+ Thông tư số 167/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 mục A phần I của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Nhóm thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, gồm:

1. Thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng - B-BXD-035843-TT;

2. Thủ tục Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng-B-BXD-121805-TT.

a) Ghép thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng và thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng thành thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.

b) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, cụ thể:

- Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng tới cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng theo phân cấp.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.

- Bãi bỏ thành phần: Bản đồ đo đạc tỷ lệ 1/500 hoặc 1/200 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng như sau:

+ Đơn đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (theo mẫu);

+ Sơ đồ vị trí khu vực cần cung cấp thông tin (đối với những trường hợp đề nghị giải thích quy hoạch; cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, chứng chỉ quy hoạch xây dựng và các thông tin khác liên quan đến quy hoạch trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng do cơ quan quản lý quy hoạch được phân cấp quản lý). Hoặc: Sơ đồ vị trí và trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 khu vực cần cung cấp thông tin (đối với trường hợp đề nghị cung cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

d) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Thủ tục Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch - B-BXD-035869-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Chấp thuận kiến trúc quy hoạch.

b) Quy định rõ về trình tự thực hiện thủ tục. Cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận kiến trúc quy hoạch tại Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch - Kiến trúc (đối với các tỉnh, thành phố có Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ vào sổ và viết phiếu tiếp nhận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đúng theo quy định thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính).

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận kiến trúc quy hoạch.

đ) Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị Chấp thuận kiến trúc quy hoạch.

4. Thủ tục Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình - B-BXD-072436-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Quy định cụ thể các bước mà cá nhân, tổ chức và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính phải thực hiện theo trình tự thời gian; trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, cá nhân, tổ chức đối với từng bước thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình tại cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng theo phân cấp.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần để chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quy định rõ các loại dự án đầu tư xây dựng công trình cần lập hoặc không cần lập mô hình tỷ lệ 1/500 khi đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500.

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ, gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình (theo mẫu);

+ Báo cáo tổng hợp gồm thuyết minh, các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản đồ được quy định như đối với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 nhưng được thể hiện đến từng công trình theo tỷ lệ 1/500;

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP;

+ Mô hình: tỷ lệ 1/500 (đối với dự án phải lập mô hình theo quy định);

+ Quyết định hoặc văn bản cho phép đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư).

- Quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp: 02 bộ.

d) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đồ án.

5. Thủ tục Công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu - B-BXD-121522-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị công nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu tới Bộ Xây dựng.

- Bộ Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính).

- Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng lấy ý kiến bằng văn bản của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án khu đô thị mới đề nghị công nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu; tổ chức khảo sát, thẩm định hồ sơ và ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu.

- Nhận kết quả tại Bộ Xây dựng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Tờ trình đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu.

- Sửa đổi "Quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt" thành "Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500".

- Sửa đổi "Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới được duyệt" thành "Quyết định hoặc văn bản cho phép đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền".

- Bỏ quy định về "Các văn bản liên quan" trong thành phần hồ sơ của giai đoạn đánh giá.

- Quy định rõ yêu cầu đối với từng thành phần hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của chính cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Quy định cụ thể thời hạn thẩm định, xem xét, ra quyết định công nhận: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2 và 4 mục A phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2 và 4 mục A phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

+ Thông tư số 15/2008/TT-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá công nhận về khu đô thị mới kiểu mẫu

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4 và 5 mục A phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

III. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo môi giới, định giá bất động sản - B-BXD-076635-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Công nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản.

b) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Quy định rõ: Cơ sở đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định về Bộ Xây dựng. Sau khi kiểm tra, đối chiếu với các điều kiện quy định, nếu cơ sở có đủ điều kiện theo quy định thì Bộ Xây dựng công nhận bằng văn bản và đưa nội dung thông tin của cơ sở lên Website của Bộ.

- Bổ sung việc kiểm tra thực tế điều kiện vật chất, giảng dạy của cơ sở đào tạo.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (bao gồm thời gian có văn bản công nhận cơ sở đủ điều kiện và đăng tải thông tin về cơ sở đó trên Website của Bộ Xây dựng).

d) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính là: Văn bản công nhận và đưa lên Website của Bộ Xây dựng các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP.

Nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ định giá, môi giới bất động sản, gồm:

2. Thủ tục Cấp chứng chỉ định giá bất động sản -B-BXD-073539-TT;

3. Thủ tục Cấp chứng chỉ môi giới bất động sản -B-BXD-003762-TT.

a) Về trình tự, cách thức thực hiện:

- Sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra nếu hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần để cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nộp lệ phí khi nộp hồ sơ.

- Quy định rõ về cách thức thực hiện: cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ định giá, môi giới bất động sản trực tiếp tại Sở Xây dựng.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bỏ quy định về nộp bản sao Chứng minh nhân dân và hộ chiếu.

- Quy định cụ thể yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong hồ sơ: nộp bản sao có chứng thực hoặc nộp bản sao chụp và mang bản chính đến để đối chiếu.

- Bỏ Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng về định giá bất động sản trong thành phần hồ sơ đối với những trường hợp cá nhân đó có Thẻ thẩm định viên về giá theo Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Điều chỉnh mức thu lệ phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

d) Về mẫu đơn:

- Bãi bỏ quy định trong đơn đề nghị phải có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người xin cấp chứng chỉ.

- Bỏ ô dán ảnh ở phần trên cùng của Mẫu đơn.

- Sửa đổi nội dung của mục 7 Mẫu đơn như sau: "Trình độ chuyên môn: - Đã tốt nghiệp .....(Cao đẳng/Đại học/Sau đại học); - Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về định giá/môi giới bất động sản số..... ngày ..... do cơ sở ..... cấp".

- Bổ sung nội dung: "Ngày cấp.... Nơi cấp...." vào mục 5 Mẫu đơn.

- Bổ sung cam kết không phải là cán bộ công chức nhà nước vào dòng cuối của Đơn như sau: "*Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết không phải là cán bộ công chức và hành nghề theo đúng nội dung chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan*".

4. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ định giá bất động sản, chứng chỉ môi giới bất động sản (trường hợp chứng chỉ cũ bị rách nát hoặc bị mất) - B-BXD-115450-TT.

a) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bỏ quy định "*Trường hợp mất chứng chỉ thì phải có giấy xác nhận của cơ quan đã cấp chứng chỉ nếu xin cấp lại chứng chỉ ở cơ quan khác*" tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

b) Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ định giá, môi giới bất động sản.

c) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Thủ tục Thông báo về hoạt động của sàn lên Website Mạng các sàn giao dịch bất động sản Việt Nam - B-BXD-111512-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện như sau:

- Trước khi tiến hành hoạt động, Sàn giao dịch Bất động sản phải gửi thông báo kèm hồ sơ sàn giao dịch bất động sản tại Sở Xây dựng địa phương.

- Sở Xây dựng địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và báo cáo Bộ Xây dựng để thông báo lên Website Mạng các sàn giao dịch bất động sản Việt Nam về hoạt động của sàn trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản báo cáo của Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng có trách nhiệm đăng thông tin của sàn lên Website Mạng các sàn giao dịch bất động sản Việt Nam.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đúng quy định thì phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho Sàn giao dịch Bất động sản biết trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu văn bản đề nghị thông báo về hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (Nội dung của mẫu văn bản gồm: Tên sàn giao dịch Bất động sản; địa chỉ liên hệ; lĩnh vực hoạt động; giám đốc sàn và diện tích sử dụng).

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (gồm cả 05 ngày đưa lên Website Mạng).

6. Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng khu công nghiệp - B-BXD-003764-TT

a) Về thành phần, số lượng hồ sơ

- Quy định cụ thể hồ sơ dự án đã được phê duyệt bao gồm bản sao có chứng thực những loại giấy tờ sau:

+ Văn bản cho phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Quyết định phê duyệt dự án;

+ Dự án đầu tư đã được phê duyệt, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở.

- Bản sao có chứng thực: Hợp đồng thuê đất hoặc quyết định giao đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

b) Quy định rõ thời hạn có hiệu lực: 30 ngày làm việc, kể từ khi có quyết định cho phép chuyển nhượng của cơ quan có thẩm quyền.

c) Xây dựng, ban hành mẫu Báo cáo quá trình thực hiện dự án đến thời điểm chuyển nhượng.

d) Đổi tên mẫu đơn thành: Đơn đề nghị chuyển nhượng dự án.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Đối với các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh

Giao Bộ Xây dựng

- Trên cơ sở chương trình Luật, Pháp lệnh được Quốc hội thông qua, căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thời hạn, tiến độ phải hoàn thành, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Luật số 63/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 về Kinh doanh bất động sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2, 3 mục A phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định việc trình dự thảo Luật.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2, 3 mục A phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật sửa đổi các quy định có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2, 3 mục A phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật sửa đổi các quy định có liên quan.

2. Đối với các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh

Giao Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại: Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2, 3, 4 và 6 mục A phần III trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 2, 3, 4 và 6 mục A phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2011 xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại:

+ Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

+ Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản

để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2, 3, 4, 5 và 6 mục A phần III của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Nhóm thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, gồm:

1. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có quy mô sử dụng đất từ 200 ha trở lên - B-BXD-034809-TT;

2. Thủ tục Thẩm định dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có quy mô sử dụng đất dưới 200 ha - B-BXD-034879-TT.

a) Sửa tên thủ tục thành: Chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới thuộc mọi nguồn vốn có quy mô sử dụng đất...

b) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, cụ thể:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án khu đô thị mới tới Ban quản lý phát triển khu đô thị mới thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Xây dựng (trường hợp tỉnh không thành lập Ban quản lý phát triển khu đô thị mới).

- Đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 200ha trở lên:

+ Ban quản lý phát triển khu đô thị mới hoặc Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của chính quyền đô thị nơi có dự án và ý kiến của các bộ, ngành có liên quan;

+ Sau khi thẩm định, Ban quản lý phát triển khu đô thị mới hoặc Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho phép đầu tư.

- Đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 200ha:

+ Ban quản lý phát triển khu đô thị mới hoặc Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của chính quyền đô thị nơi có dự án và ý kiến của các Sở, ngành có liên quan;

+ Sau khi thẩm định, Ban quản lý phát triển khu đô thị mới hoặc Sở Xây dựng trình Uỷ ban nhân cấp tỉnh xem xét quyết định cho phép đầu tư.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

c) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Về mẫu tờ trình:

+ Sửa tên Tờ trình thành: Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới.

+ Bỏ các điểm 16: "Các nội dung khác"; điểm 17: "Kết luận".

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, gồm:

+ Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới (theo mẫu);

+ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn chủ đầu tư dự án khu đô thị mới của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt;

+ Dự án đầu tư khu đô thị mới gồm: Thuyết minh và thiết kế cơ sở.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

d) Về thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 200ha trở lên: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 90 ngày làm việc xuống 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (*bao gồm thời hạn thẩm định: 40 ngày làm việc và xem xét, cho phép đầu tư: 20 ngày làm việc*).

- Đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 200ha: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 65 ngày làm việc xuống 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (*bao gồm thời hạn thẩm định: 30 ngày làm việc và xem xét, cho phép đầu tư: 15 ngày làm việc*).

đ) Quy định rõ kết quả của thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu đô thị mới để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2 mục A phần IV của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

- Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 04/2006/TT-BXD ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quy chế khu đô thị mới ban hành theo Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2 mục A phần IV của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị định sửa đổi các quy định có liên quan.

V. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

1. Thủ tục Cấp giấy phép đào đường đô thị - B-BXD-004120-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục, cụ thể:

- Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đào đường đô thị tới Sở Xây dựng.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép đào đường đô thị (theo mẫu, nêu rõ vị trí đào, diện tích, độ sâu, lý do đào, dự kiến thời gian hoàn thành công việc và cam kết hoàn trả mặt bằng);

+ Sơ đồ vị trí hoặc tuyến công trình cần qua đường, ảnh chụp hiện trạng; đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có bản vẽ thiết kế thể hiện vị trí mặt bằng, mặt cắt đào đường;

+ Kết quả khảo sát công trình ngầm tại khu vực đề nghị đào đường.

- Quy định cụ thể số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của giấy phép đào đường đô thị.

2. Thủ tục Cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông - B-BXD-004132-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự thực hiện thủ tục:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông tại Sở Xây dựng.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần để cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

b) Về thành phần, số lượng hồ sơ:

- Xây dựng, ban hành mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông.

- Quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông (theo mẫu);

+ Sơ đồ mặt bằng thể hiện phạm vi, ranh giới đường đô thị đề nghị sử dụng ngoài mục đích giao thông; giải pháp bảo đảm an toàn giao thông.

- Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

c) Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

d) Quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực của giấy phép sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông.

đ) Bãi bỏ quy định phải xin phép đối với việc cưới, việc tang; đồng thời thay bằng hình thức thông báo đối với hai trường hợp này.

3. Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh - B-BXD-002335-TT.

a) Quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện thủ tục:

- Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trực tiếp tại Sở Xây dựng.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và hướng dẫn bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định; trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì vào sổ và viết phiếu tiếp nhận.

- Nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

b) Quy định số lượng hồ sơ phải nộp: 01 bộ.

B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

Giao Bộ Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 năm 2011, xây dựng, ban hành Thông tư để quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 1, 2 và 3 mục A phần V của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này.